TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/LĐ-ST
Ngày 29-09-2025
V/v tranh chấp tuyên vô hiệu hợp đồng lao động.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rồi

2. Bà Mai Thị Tám

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Minh Quang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2025/TLST-LĐ ngày 25 tháng 06 năm 2025, về việc: "Yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 612/2025/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 499/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ: số A đường T, T, xã C (xã T, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Văn Quốc T1, sinh năm 1985; địa chỉ: số A Đường A, (phường B, quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ: Lô B, đường D, Khu công nghiệp T, xã T (xã T, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Huang Chi C, sinh năm 1941; địa chỉ: Lô B, đường D, Khu công nghiệp T, xã T (xã T, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngũ Thị Kim N, sinh năm 1992; địa chỉ: số E Đường B, ấp T, xã C (xã T, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân An Hội - Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: số A Tỉnh lộ 8, xã T (Khu phố B, thị trấn C, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 06 năm 2012 nguyên đơn vào làm công nhân tại Công ty TNHH M1 tại địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó từ tháng 07 năm 2012 đến tháng 04 năm 2023 nguyên đơn vào làm tại Công ty M2 tại địa chỉ: đường N, Tổ A, Khu phố B, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi làm việc tại hai công ty trên, nguyên đơn có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ: 7909076788.

Trước đó, vào tháng 01 năm 2008, do nguyên đơn không am hiểu pháp luật nên đã cho bà Ngũ Thị Kim N chưa đủ tuổi mượn chứng minh nhân dân để làm hồ sơ xin việc kiếm thu nhập để phụ giúp gia đình.

Đến tháng 05 năm 2024 khi nguyên đơn đăng ký hồ sơ để được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần thì không được duyệt vì phát hiện trên hệ thống bảo hiểm xã hội hiện nay tồn tại hai số sổ bảo hiểm 7909076788 và 7908082782 cùng mang tên nguyên đơn bị trùng lập về thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 03 năm 2010. Sau khi phát hiện điều này nguyên đơn tìm hiểu và được biết khoảng thời gian này bà Ngũ Thị Kim N làm việc và được Công ty TNHH M tại địa chỉ: Lô B, đường D, Khu công nghiệp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 03 năm 2010 với tên của nguyên đơn là Nguyễn Thị Ngọc T.

Như vậy, việc bà Ngũ Thị Kim N mượn giấy chứng minh nhân dân của nguyên đơn để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M là vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa nguyên đơn (thực chất bà Ngũ Thị Kim N là người giao kết và thực hiện hợp đồng) với Công ty TNHH M vô hiệu.

Ý kiến của bị đơn: bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến của bà Ngũ Thị Kim N: Vào tháng 01 năm 2008 do hoàn cảnh gia đình khó khăn và chưa đủ tuổi đi làm nên bà Ngũ Thị Kim N có mượn chứng minh

nhân dân của nguyên đơn để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH M, địa chỉ: Lô B, đường D, Khu công nghiệp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên thỏa thuận và ký kết hợp đồng lao động từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 03 năm 2010, trong thời gian này bà N được Công ty TNHH M đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ 7908082782. Nay bà N đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân An Hội - Thành phố Hồ Chí Minh: Qua kiểm tra dữ liệu đang quản lý, Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân An Hội - Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin tham gia bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Ngọc T như sau:

- Sổ bảo hiểm xã hội số 7908082782 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 03 năm 2010 tại Công ty TNHH M, đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần;

- Sổ bảo hiểm xã hội số 7909076788 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 12 năm 2014 tại Công ty TNHH M1, từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 04 năm 2023 tại Công ty M2 chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Bảo Hiểm xã hội cơ sở Tân An Hội - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân An Hội - Thành phố Hồ Chí Minh và bà Ngũ Thị Kim N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025, đây là tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng và người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngũ Thị Kim N và Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân An Hội - Thành phố Hồ Chí Minh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do; căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tuyên vô hiệu hợp đồng lao động ký kết giữa nguyên đơn (thực chất bà Ngũ Thị Kim N là người giao kết và thực hiện hợp đồng) với Công ty TNHH M thời gian từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 03 năm 2010:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai nộp cho Tòa án, các đương sự thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 03 năm 2010, bà Nguyễn Thị Ngọc T có cho bà Ngũ Thị Kim N mượn giấy tờ cá nhân (chứng minh nhân dân) để tham gia lao động tại Công ty TNHH M với lý do tại thời điểm đó bà N chưa đủ tuổi lao động nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên buộc bà N phải mượn thông tin của bà T để tham gia lao động. Mặc dù phía Công ty TNHH M không đến Tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, tuy nhiên, căn cứ vào Văn bản số: 303/BHXH-QLT ngày 27 tháng 08 năm 2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở T - Thành phố Hồ Chí Minh và căn cứ vào quá trình tham gia bảo hiểm tại sổ bảo hiểm xã hội số 7908082782 và sổ bảo hiểm xã hội số 7909076788, có đủ cơ sở để xác định người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 03 năm 2010 không phải là bà T, vi phạm quy định tại Điều 9 và khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó, căn cứ vào Điều 122, Điều 127 và Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hợp đồng lao động đã ký giữa bà T và Công ty TNHH M là vô hiệu.

[3.2] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Các đương sự không yêu cầu bồi thường thiệt hại khi hợp đồng trên bị tuyên vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy: quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại ở Tòa án năm 2025;

Căn cứ các Điều 9, 30 của Bộ luật Lao động năm 1994;

Căn cứ các Điều 122, 127, 132 và 136 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T với Công ty TNHH M vô hiệu.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội theo quy định.

2. Về án phí:

Công ty TNHH M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 23 tháng 06 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8-TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoài

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Kim Hoài